

Phụ lục 1

**BẢNG KÊ SỔ VỊ TRÍ, SỐ MẪU VÀ THÔNG SỐ QUAN TRẮC PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG NƯỚC PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020
của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Tên điểm quan trắc	Số vị trí quan trắc	Số mẫu	Thông số quan trắc (gửi phân tích)
1	Khu vực nuôi cá bè trên sông Cái (TP. Biên Hòa)	03	72	TSS, COD, H ₂ S, NO ₂ , NH ₃ /NH ₄ ⁺ , thuốc bảo vệ thực vật gốc Carbamat, kim loại nặng (Pb, Hg, Cd), mật độ và thành phần tảo độc, <i>Aeromonas spp</i> , <i>Streptococcus</i>
2	Khu vực nuôi cá bè hồ Trị An - làng cá bè La Ngà (Định Quán)	03	54	TSS, COD, H ₂ S, NO ₂ , NH ₃ /NH ₄ ⁺ , thuốc bảo vệ thực vật gốc Carbamat, kim loại nặng (Pb, Hg, Cd), mật độ và thành phần tảo độc, <i>Aeromonas spp</i> , <i>Streptococcus</i>
3	Khu vực nước cấp và ao đại diện vùng ngập mặn huyện Long Thành, Nhơn Trạch	04	96	TSS, COD, H ₂ S, NO ₂ , NH ₃ /NH ₄ ⁺ , thuốc bảo vệ thực vật gốc carbamat, kim loại nặng (Pb, Hg, Cd, As), mật độ và thành phần tảo độc, <i>Vibrio tổng số</i> và <i>Vibrio</i> <i>parahaemolyticus</i> .
5	Ao đại diện thuộc xã Mã Đà (huyện Vĩnh Cửu)	02	12	NO ₂ , NH ₃ /NH ₄ ⁺ , COD, H ₂ S, OSS, PO ₄ ³⁻ ; mật độ và thành phần tảo độc
	Ao đại diện thuộc xã Trà Cổ (huyện Tân Phú)	02	12	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Văn Chánh